

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲ HỢP  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2024/HS-ST  
Ngày 26 tháng 7 năm 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Đạt.

*Các Hội thẩm:* Bà Trương Thị Bích Hiệp.

Ông Hồ Tiến Dũng.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quân.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ an xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HS, ngày 15/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T; sinh năm 1994, tên gọi khác, giới tính N; nơi cư trú: thôn G, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ an; nghề nghiệp Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo không, con ông Trần Văn S và bà Chu Thị H; vợ Trần Thị Q, con có 03 người, lớn nhất 06 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền án, tiền sự, nhân thân không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2024 đến ngày 02/02/2024, thì được tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn M, sinh năm 1973, tên gọi khác không, giới tính N, nơi cư trú, tổ dân phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi tạm trú: tổ A, khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp, Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc, Kinh, tôn giáo không; con ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị T1; vợ Nguyễn Thị Đ (không đăng ký kết hôn); con có 02 người, lớn nhất 25 tuổi, nhỏ nhất 18 tuổi; Tiền án, tiền sự, nhân thân không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024 đến ngày 02/02/2024 thì được tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Trương Thị L, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: xóm C, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ an. Vắng mặt.

1. Chị Hồ Mỹ P, sinh năm 1992. Nơi cư trú: 3 B, K, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Dương Thị N1, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Nơi cư trú: tổ A, khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn T muốn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hành vi cho số lô, số đề chuẩn nên đã thuê Nguyễn Minh I kênh Youtube mang tên "Tur Văn Số Học" thường xuyên đăng tải các video có nội dung liên quan đến việc bình luận cho số lô, số đề hàng ngày, hàng tuần. Người nào muốn có số lô số đề chuẩn thì liên hệ vào số điện thoại được video cung cấp. Triều trả cho M mỗi tháng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền thuê kênh Youtube, còn Nguyễn Minh I các video để đăng tải lên kênh này. Các video có nội dung liên quan đến việc bình luận cho số lô, số đề sẽ để số điện thoại của Trần Văn T. Bằng thủ đoạn trên, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại như sau:

Lần thứ nhất, vào ngày 04/01/2024, T chiếm đoạt của chị Hồ Mỹ P số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bằng hình thức yêu cầu chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần N2 (V), số tài khoản "0111000330928" mang tên chủ tài khoản là Trần Kim D vào tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (MB), số tài khoản "6513801932355", mang tên Hồ Trọng P1 mới cho số lô số đề.

Lần thứ hai, cũng vào ngày 04/01/2024, T chiếm đoạt của chị Hồ Mỹ P, số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) bằng hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần N2 (V), số tài khoản "0111000330928" mang tên chủ tài khoản là Trần Kim D vào tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (MB), số tài khoản "6513801932355", mang tên Hồ Trọng P1 mới cho số lô số đề.

Lần thứ ba, vào ngày 06/01/2024, T chiếm đoạt của chị Hồ Mỹ P số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bằng hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần N2 (V), số tài khoản "0111000330928" mang tên chủ tài khoản là Trần Kim D vào tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (MB), số tài khoản "6513801932355", mang tên Hồ Trọng P1 mới cho số lô số đề.

Lần thứ tư, vào ngày 08/01/2024, T chiếm đoạt của chị Hồ Mỹ P số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bằng hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần N2 (V), số tài khoản "0111000330928" mang tên chủ tài khoản là Trần Kim D vào tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (MB), số tài khoản "6513801932355", mang tên Hồ Trọng P1 mới cho số lô số đề.

Lần thứ năm, vào ngày 20/01/2024, T chiếm đoạt của chị Trương Thị L số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) bằng hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B1) số "5102180251", mang tên chủ tài khoản Trương Thị L vào tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 (D1), số tài khoản "0108385382" mang tên Đậu Thị T2 mới cho số lô số đề.

Lần thứ sáu, vào ngày 21/01/2024, T chiếm đoạt của chị Trương Thị L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bằng hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B1) số "5102180251", mang tên chủ tài khoản Trương Thị L vào tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (MB) số "6513801932355" mang tên Hồ Trọng P1 mới cho số lô, số đề.

Tất cả các số lô, số đề trên đều không chính xác. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của Trương Thị L và chị Hồ Mỹ P là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Số tiền này bị cáo T đã sử dụng hết.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn T và Nguyễn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại chị Trương Thị L và chị Hồ Mỹ P, người làm chứng chị Hồ Thị L1, chị Trần Kim D và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

Về vật chứng vụ án:

Thu giữ của Trần Văn T: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số I: 359456497043613, trong máy có gắn thẻ sim số 0966241452; 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh; 01 (Một) thẻ ngân hàng M1, màu xanh đen, số serial O1WV5X9 mang tên Hồ Trọng P1; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei 355372082464235; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xám; 01 (Một) máy tính bảng Galaxy Tab S6 Life, số Serie: R52N506VQKE, số Imei: 353919111258863, màu xanh, đã qua sử dụng; 02 (Hai) thẻ sim phía trong ốp lưng phía sau máy Iphone 7 Plus, một sim có dòng chữ V1 4G 8984048000915998001; một sim có ký hiệu VII hỗ trợ 4G.

Thu giữ của Nguyễn M: 01 (Một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus, màu trắng; 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, màu xanh, số Imei1 865480062234305, số Imei2 865480062234313 trong có lắp sim số “0349831061”. 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng M1 số 4089041031174485; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng A số 4221093293883096; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng A số 9704162461620880, đã qua sử dụng. 01 (Một) tờ giấy bên trên có ghi nội dung “0936.482.515 Zalo.Vip”; 01 (Một) tấm bảng trên có dán 01 (một) tờ giấy có ghi nội dung “Nhắn tin trực tiếp 0336826.874”; 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu Hồng Hà; 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu KLong, MS 988; 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu KLong, MS 899.

Bản cáo trạng số: 49/CT-VKS-QH, ngày 20/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ an truy tố các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn M từ 10 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 500.000đ/tháng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số vật chứng sau.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei 355372082464235 thu giữ của Trần Văn T.

+ 01 (Một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus, màu trắng,

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, màu xanh, số Imei1 865480062234305, số Imei2 865480062234313 trong có lắp sim số “0349831061” thu giữ của Nguyễn M.

-Tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau không có giá trị sử dụng.

+ 01 (Một) thẻ ngân hàng M1, màu xanh đen, số serial O1WV5X9 mang tên Hồ Trọng P1 thu giữ của Trần Văn T.

+ 01 (Một) tờ giấy bên trên có ghi nội dung “0936.482.515 Zalo.Vip”;

+ 01 (Một) tấm bảng trên có dán 01 (một) tờ giấy có ghi nội dung “Nhắn tin trực tiếp 0336826.874”

+ 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu Hồng Hà, kích thước 15x10 cm, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ, số.

+ 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu KLong, MS 988, kích thước 21x29,7 cm, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ, số.

+ 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu KLong, MS 899, kích thước 21x29,7 cm, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ, số.

+ 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng M1 số 4089041031174485, qua sử dụng.

+ 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng A số 4221093293883096, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng A số 9704162461620880, đã qua sử dụng. Thu giữ của Nguyễn M.

-Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

Số tiền 10.000.000đ (mười triệu) đồng của Nguyễn Minh d phạm tội mà có, đã tại Chi cục thi hành án dân sự.

-Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Trả lại số vật chứng sau cho Trần Văn T.

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số I: 359456497043613, trong máy có gắn thẻ sim số 0966241452, máy qua sử dụng.

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, máy đã qua sử dụng, thời điểm kiểm tra máy không lên nguồn.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xám, máy đã qua sử dụng, hiện tại máy không lên nguồn, không kiểm tra được thông tin trong máy.

+ 01 (Một) máy tính bảng Galaxy Tab S6 Life, số Serie: R52N506VQKE, số Imei: 353919111258863, màu xanh, đã qua sử dụng.

+ 02 (Hai) thẻ sim phía trong ốp lưng phía sau máy Iphone 7 Plus, một sim có dòng chữ V1 4G 8984048000915998001; một sim có ký hiệu VII hỗ trợ 4G, sim đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn T đã bồi thường thiệt hại cho chị Trương Thị L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); bồi thường cho chị Hồ Mỹ P số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Hiện nay chị L và chị P không không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội.

Lời khai của bị cáo, đơn trình báo của bị hại, biên bản khám xét nơi ở của các bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ thì bị cáo phạm tội như sau: Trần Văn T thuê kênh youtube “ Tư Vấn Số Học” của Nguyễn M đăng tải các video bình luận, phân tích số lô, số đề đồng thời hướng dẫn người xem liên hệ với tài khoản zalo "Behai" được đăng ký bằng số điện thoại 0936482515 của Triều để cho số lô, số đề nhằm lợi dụng lòng tin của người xem video để họ nhắn tin xin số lô, số đề. Triều thuê mỗi tháng trả cho M là 7.000.000đ. Trước khi cho số lô, số đề T yêu cầu người xem chuyển tiền cho T qua số tài khoản ngân hàng do T cung cấp. Các số lô số đề Triều cho đều không chính xác. Với thủ đoạn trên vào các ngày 04, 06, 08 tháng 01 năm 2024, Trần Văn T đã chiếm đoạt của chị Hồ Mỹ P số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Ngày 20, 21 tháng 01 năm 2024 chiếm đoạt của chị Trương Thị L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền chiếm đoạt được Triều tiêu xài cá nhân hết. Nguyễn Minh biết Trần Văn T cho người xem video số lô số đề là không chính xác, biết T có thu phí nhưng vẫn cho T thuê kênh “Tư Vấn Số Học” bình luận số lô số đề hướng dẫn người xem liên hệ với Trần Văn T để xin số lô số đề. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất của vụ án, đây là một vụ án ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đã xâm phạm quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức và mà được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục và góp phần phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T, M thừa nhận, bị cáo T chỉ thuê kênh youtube “Tur Văn Số Học” của Nguyễn M để lừa người khác, còn việc ai vào kênh này để xin số lô, đề với bị cáo T thì bị cáo M không biết, việc này giữa M và T không có sự bàn bạc, thống nhất gì cả, khi thu tiền của các bị hại thì M không biết, không được bị cáo T chia số tiền này. Do vậy trong vụ án này bị cáo M với vai trò là giúp sức và chỉ phạm tội 01 lần, đó là cho bị cáo T thuê 01 lần, còn T cho số lô, đề với người nào thì M không biết, không được chia số tiền mà các bị hại đã chuyển cho T.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng:

+ Bị cáo Trần Văn T không có tiền án, tiền sự, nhân thân, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại; các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần, nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng (điểm b, khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Bị cáo Trần Văn T có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo Trần Văn T cho UBND xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ an, giám sát, giáo dục.

+ Bị cáo Nguyễn M không có tiền án, tiền sự, nhân thân, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao cho UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024 đến ngày 02/2/2024 là 07 ngày, mỗi ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bằng 21 ngày.

[ 4] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLHS. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội, tịch thu số tiền do phạm tội mà có, tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng và trả lại cho chủ sở hữu vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội.

Số tiền mà bị cáo Nguyễn M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp là do phạm tội mà có, cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho các bị hại, nay bị hại không có yêu cầu gì nữa, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với chị Dương Thị N1 thực hiện quay các video lên kênh Y và việc nhận số tiền do M nhờ, là chị N1 không biết việc làm của M là phạm tội, bị cáo M không trao đổi việc làm của mình cho chị N1, nên chị Dương Thị N1 không biết việc T và M hoạt động phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý đối với chị Dương Thị N1.

Đối với chủ tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (M2), số tài khoản “6513801932355”, mang tên Hồ Trọng P1 được Trần Văn T mua lại, quá trình điều tra xác định người lập đăng ký tài khoản này là Hồ Trọng P1, sinh ngày 22/4/2001, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh, triệu tập để làm việc nhưng anh P1 không có mặt tại nơi cư trú vì vậy không làm việc được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 (D1), số tài khoản “0108385382” mang tên Đậu Thị T2 được Trần Văn T mua lại, chị T2 không sử dụng tài khoản ngân hàng nêu trên, việc tài khoản ngân hàng này đăng ký tên chị T2 là vì chị T2 bị lộ thông tin cá nhân, không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý đối với chị Đậu Thị T2.

Đối với chị Hồ Thị L1 làm nghề buôn bán điện thoại và khi có người nhờ chuyển khoản thì chị L1 sẽ giúp, ngày 21/9/2023 chị L1 sử dụng tài khoản ngân hàng M2 “9996688666” để chuyển số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào tài khoản Vietelpay số “9704229205831893589” mang tên Dương Thị N1. Việc chuyển khoản số tiền này chị L1 chỉ giúp người khác chứ không hề biết việc này liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra xác định Trương Thị L và Hồ Mỹ P xin số lô số đề của Trần Văn T nhưng không sử dụng để đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[7] Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, đối với Trần Văn T

[2] Căn cứ khoản 1, Điều 174, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 36 BLHS đối với Nguyễn M.

[3] Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T **12** (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh 1 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam **21** (hai mươi một) ngày. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 500.000đ (năm trăm) nghìn đồng để sung quỹ Nhà nước, thi hành trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn M cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Minh thay đ nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

[4] Vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

-Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số vật chứng sau.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei 355372082464235 thu giữ của Trần Văn T.

+ 01 (Một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus, màu trắng,

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, màu xanh, số Imei1 865480062234305, số Imei2 865480062234313 trong có lắp sim số “0349831061” thu giữ của Nguyễn M.

-Tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau không có giá trị sử dụng.

+ 01 (Một) thẻ ngân hàng M1, màu xanh đen, số serial O1WV5X9 mang tên Hồ Trọng P1 thu giữ của Trần Văn T.

+ 01 (Một) tờ giấy bên trên có ghi nội dung “0936.482.515 Zalo.Vip”;

+ 01 (Một) tấm bảng trên có dán 01 (một) tờ giấy có ghi nội dung “Nhắn tin trực tiếp 0336826.874”

+ 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu Hồng Hà, kích thước 15x10 cm, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ, số.

+ 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu KLong, MS 988, kích thước 21x29,7 cm, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ, số.

+ 01 (Một) cuốn sổ nhãn hiệu KLong, MS 899, kích thước 21x29,7 cm, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ, số.

- + 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng M1 số 4089041031174485, qua sử dụng.
- + 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng A số 4221093293883096, đã qua sử dụng.
- + 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng A số 9704162461620880, đã qua sử dụng. Thu giữ của Nguyễn M.

-Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,  
Trả lại số vật chứng sau cho Trần Văn T.

- + 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số I: 359456497043613, trong máy có gắn thẻ sim số 0966241452, máy qua sử dụng.
- + 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, máy đã qua sử dụng, thời điểm kiểm tra máy không lên nguồn.
- + 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xám, máy đã qua sử dụng, hiện tại máy không lên nguồn, không kiểm tra được thông tin trong máy.
- + 01 (Một) máy tính bảng Galaxy Tab S6 Life, số Serie: R52N506VQKE, số Imei: 353919111258863, màu xanh, đã qua sử dụng.
- + 02 (Hai) thẻ sim phía trong ốp lưng phía sau máy Iphone 7 Plus, một sim có dòng chữ V1 4G 8984048000915998001; một sim có ký hiệu VII hỗ trợ 4G, sim đã qua sử dụng. Chi tiết thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/6/2024 của Chi cục chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp.

[5] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng thu của bị cáo Nguyễn M chi tiết thể hiện tại biên lai thu tiền số 0007364, ngày 24/6/2024 của Chi cục chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp.

[6] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Minh bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ an trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

#### **Nơi nhận**

- PGĐ kiểm tra TA Tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Quỳnh Hợp.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Công an huyện Quỳnh Hợp.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp.
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An.
- UBND xã Ngọc Sơn, Quỳnh Lưu, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Văn Đạt**

